

Số: /BC-TTNN

Cát Tiên, ngày tháng năm 2024

## BÁO CÁO

### TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG

(Từ ngày 28 tháng 12 năm 2023 đến ngày 03 tháng 01 năm 2024)

#### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

##### 1. Thời tiết

Tình hình thời tiết trên địa bàn huyện thay đổi nhẹ, ngày nắng nóng, chiều tối trời nhiều mây có mưa giông rải rác, sáng sớm trời se lạnh, có sương mù nhẹ, thuận lợi cho một số sinh vật hại phát sinh phát triển.

##### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

###### a. Cây lúa

Vụ	Trà lúa	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Vụ Đông Xuân năm 2023-2024	Sớm	Ngâm sữa – chắc xanh	240	80
		Chín	110	
	Chính vụ	Mạ	410	0
		Đẻ nhánh	1.675	
		Làm đòng – đòng	730	
		Đòng già - Trỗ bông	415	
		Ngâm sữa – chắc xanh	10	
Tổng			3.590	80

Ghi chú: Diện tích gieo cấy là diện tích thực tế còn lại trên đồng ruộng, diện tích thu hoạch là diện tích đã thu hoạch được cộng dồn từ khi gieo cấy của vụ.

###### b. Cây trồng khác

Loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Cây dâu tằm	Các giai đoạn	153,2
Cây điều	Các giai đoạn	5.226,5

## II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SVGH CHỦ YẾU VÀ THIÊN ĐỊCH

### 1. Số liệu điều tra phát dục của SVGH cây lúa

Tên SVGH	Cây trồng và GDST	Mật độ sâu, chỉ số bệnh		Tuổi, pha phát dục sâu/cấp bệnh							Tổng	
				1	2	3	4	5	6	N		TT
		TB	Cao	0	1	3	5	7	9			
Rầy nâu	Cây lúa (Đẻ nhánh)	75	280		1	1	2					4
Rầy nâu	Cây lúa (Làm đòng - đòng)	74	320		1	1	2					4
Rầy nâu	Cây lúa (Đòng già – trở bông)	111	360				1	2				3

**Ghi chú:** Dòng có dãy số trên là tuổi sâu, N: Nhộng, TT: Trưởng thành; dòng dưới là cấp bệnh.

### 2. Số liệu theo dõi côn trùng vào trạm giám sát côn trùng thông minh

STT	Tên côn trùng	Thời gian							Tổng cộng (con)	TB/đêm (con)
		26/12/2023	27/12/2023	28/12/2023	29/12/2023	30/12/2023	31/12/2023	1/1/2024		
1	Rầy nâu	-	11	17	8	12	5	3	56	8,0
2	Rầy lưng trắng	3	1	-	2	2	1	4	13	1,9
3	Rầy xanh đuôi đen	1	7	5	1	1	3	5	23	3,3
4	Rầy zigzag	1	7	-	-	-	4	-	12	1,7
5	Sâu năn	-	-	-	-	-	-	1	1	0,1
6	Bọ xít mù xanh	-	30	19	9	1	10	3	72	10,3
7	Kiến ba khoang	1	13	4	1	2	6	5	32	4,6
8	Bọ cánh cứng ba khoang	8	39	12	13	5	10	3	90	12,9
9	Bướm Creatonotos gangis	-	-	-	1	3	-	-	4	0,6
10	Bọ cánh cứng Berosus sp.	29	246	257	225	324	271	161	1.513	216,1
11	Bướm đêm Parapoynx stagnalis	-	6	8	1	1	5	5	26	3,7
12	Bọ xít đen	-	2	9	9	-	3	-	23	3,3
13	Đế nhũi	-	-	1	1	14	6	13	35	5,0
14	Rầy Aster leaf hopper	-	1	-	-	1	1	-	3	0,4
15	Kiến vương	-	-	-	-	-	-	6	6	0,9
16	Kiến cánh	-	2	1	-	1	1	-	5	0,7
17	Bọ cánh cứng Agelastica alni	-	2	-	2	-	2	2	8	1,1
18	Ruồi hạc	-	1	-	-	-	-	1	2	0,3
19	Bọ nước Hydrophilus triangularis	-	-	2	-	-	1	3	6	0,9
20	Bướm đêm Creatonotos transiens	-	-	-	-	-	-	3	3	0,4
21	Muỗi nước xám	1	-	-	1	-	1	1	4	0,6
22	Bọ nước Micronecta scholtzi	1	95	64	21	14	10	16	221	31,6

### III. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU

#### 1. Mật độ, tỷ lệ SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố chủ yếu
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I Cây lúa – Giai đoạn mạ</b>						
1	Rầy nâu	20	140		TT, 1	TT. PC
<b>II Cây lúa – Giai đoạn đẻ nhánh</b>						
1	Rầy nâu	120	280		1, 2, 3	GV, TT CT
2	Sâu cuốn lá nhỏ	5	10		3	TT CT
3	Bệnh vàng lá sinh lý do ngộ độc phèn	6	8	10-24	1, 3	NN, GV, TH
4	Bệnh cháy bìa lá	4	8	10-16	1, 3	GV
5	Bệnh đạo ôn lá	2	4		1, 3	ĐP
<b>III Cây lúa – Giai đoạn làm đòng - đòng</b>						
1	Rầy nâu	240	320		2, 3, 4	ĐP, GV, QN, TT CT
2	Bệnh vàng lá sinh lý do ngộ độc phèn	4	8	10-30	1, 3	ĐP, TT PC
3	Bệnh cháy bìa lá	4	8	12-24	1, 3	GV, ĐP
4	Bệnh đạo ôn lá	3,2	4		1, 3	GV
<b>IV Cây lúa – Giai đoạn đòng già – trở bông</b>						
1	Rầy nâu	180	360		3, 4	TT CT, NN, GV
<b>V Cây lúa – Giai đoạn ngâm sữa – chắc xanh</b>						
1	Rầy nâu	240	320		4, 5	TT CT, NN, GV
<b>VI Cây lúa – Giai đoạn chín</b>						
1	Rầy nâu	150	240		4, 5	NN
<b>VII Cây điều – Các giai đoạn</b>						
1	Bọ xít muỗi	2,5	3,2	5,0-7,7	4	TT.PC, PC2, GV, TH, QN, NN

2	Bệnh thán thư	3,2	4,5	5,6-7,4	1, 3	TTPC, PC2, GV, TH, ĐP, QN, NN
3	Bọ trĩ	2,5	3,3	5,6-6,2	TT	TT PC, PC2, NN, QN
<b>VIII Cây dâu tằm – Các giai đoạn</b>						
1	Ve sầu nhảy	4	4		TT	TT. CT, QN
2	Bệnh gỉ sắt	5	5		1, 3	TT. CT, QN
3	Bệnh đốm lá	4	6		1, 3	TT. CT, QN

## 2. Diện tích nhiễm SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố chủ yếu
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I Cây điều – Các giai đoạn</b>								
1	Bọ xít muỗi	237				237	115	TT.PC, PC2, GV, TH, NN, QN
2	Bệnh thán thư	250				250	100	TTPC, PC2, GV, TH, ĐP, NN, QN
3	Bọ trĩ	25				25	5	TT PC, PC2, NN, QN
<b>II Cây lúa – Giai đoạn đẻ nhánh</b>								
1	Bệnh vàng lá do ngộ độc phèn	65	5			70	60	GV, TH, NN
2	Bệnh cháy bìa lá	20				20	15	GV
<b>III Cây lúa – Giai đoạn làm đòng - đòng</b>								
1	Bệnh vàng lá do ngộ độc phèn	25	6			31	10	ĐP, TT PC
2	Bệnh cháy bìa lá	16	2			18	16	ĐP, GV

## 3. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

### a. Cây lúa

Cây lúa vụ Đông Xuân năm 2023 – 2024 nông dân đang xuống giống cuối vụ, diện tích xuống giống 3.670/3.996 ha đạt tỷ lệ 92% kế hoạch, cây lúa chủ yếu ở giai đoạn đẻ nhánh - đòng, sinh trưởng phát triển tốt; một số diện tích Đông Xuân sớm đang trong giai đoạn trổ bông – chắc chín, nông dân đang thu hoạch rải rác, diện tích thu hoạch 80 ha. Rầy nâu ít biến động, xuất hiện với mật độ từ 25-360 con/m<sup>2</sup> rải rác tại các xã, thị trấn. Bệnh vàng lá sinh lý do ngộ độc phèn tăng nhanh, chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ, ngoài ra hại nhẹ 90 ha với tỷ lệ (10-18%) và hại trung bình 11 ha với tỷ lệ (20-30%) rải rác tại xã Nam Ninh, Đức Phổ, Gia Viễn, Tiên Hoàng và thị trấn

Phước Cát. Sâu cuốn lá nhỏ xuất hiện ở mức độ dưới nhẹ rải rác tại thị trấn Cát Tiên mật độ từ 5-10 con/m<sup>2</sup>. Bệnh cháy bìa lá xuất hiện hại nhẹ khoảng 36 ha với tỷ lệ (10-16%), hại trung bình 2 ha với tỷ lệ (22-24%) tại xã Gia Viễn, Đức Phổ. Bệnh đạo ôn lá xuất hiện ở mức độ dưới nhẹ với tỷ lệ (2-4%) tại xã Gia Viễn, Đức Phổ.

### **b. Cây dâu tằm**

Cây dâu tằm sinh trưởng phát triển tốt. Ve sầu nhảy, bệnh đốm lá và bệnh gỉ sắt ít biến động, chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ rải rác tại xã Quảng Ngãi và thị trấn Cát Tiên.

### **c. Trên cây điều**

Cây điều đang trong giai đoạn trổ bông, sinh trưởng phát triển bình thường, nông dân tập trung chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh. Bọ xít muỗi và bệnh thán thư tăng nhẹ, chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ. Ngoài ra, bọ xít muỗi hại nhẹ khoảng 237 ha với tỉ lệ từ (5,0 – 7,7%) chủ yếu tại các xã Gia Viễn, Tiên Hoàng, Phước Cát 2, Quảng Ngãi, Nam Ninh và thị trấn Phước Cát, tăng 59 ha so với kỳ trước; bệnh thán thư hại nhẹ khoảng 250 ha với tỉ lệ từ (5,6 - 7,4%) rải rác tại các xã Tiên Hoàng, Gia Viễn, Quảng Ngãi, Nam Ninh, Phước Cát 2, Đức Phổ và thị trấn Phước Cát, tăng 88 ha so với kỳ trước. Bọ trĩ xuất hiện chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ, ngoài ra hại nhẹ rải rác khoảng 25 ha với tỷ lệ (5,6-6,2%) tại xã Phước Cát 2 và thị trấn Phước Cát.

## **IV. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

### **1. Dự báo tình hình thời tiết và SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

Dự báo trong 7 ngày tới, tình hình thời tiết ít thay đổi, ngày nắng, chiều tối trời nhiều mây có mưa rải rác, sáng sớm trời se lạnh.

Trên cây lúa: Rầy nâu và bệnh vàng lá sinh lý do ngộ độc phèn có khả năng tăng nhẹ, bệnh đạo ôn lá, bệnh cháy bìa lá và sâu cuốn lá ít biến động.

Trên cây điều: Bệnh thán thư, bọ trĩ và bọ xít muỗi có khả năng tăng nhẹ.

Trên cây dâu tằm: Ve sầu nhảy và bệnh gỉ sắt có khả năng ít biến động, bệnh đốm lá tăng nhẹ.

### **2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

- Trên cây lúa: Tập trung vệ sinh đồng ruộng, xuống giống dứt điểm cây lúa vụ Đông Xuân 2023-2024. Cần chăm sóc, bón phân cân đối NPK, không bón dư phân đạm, chú trọng sử dụng các loại phân hữu cơ như phân hữu cơ đầu trâu, phân hữu cơ vi sinh,... giúp tăng khả năng đề kháng của cây lúa đối với sâu bệnh hại; thăm đồng thường xuyên phát hiện sâu bệnh sớm để phòng trừ kịp thời.

+ Sử dụng chế phẩm nấm xanh *Metarhizum Anisoplie* ngay từ giai đoạn cuối đẻ nhánh – làm đồng trở đi khi rầy nâu mới xuất hiện, khi rầy nâu gia tăng thì sử dụng luân phiên các loại thuốc như: Abachezt 666 WG , Abakill 3.6 EC, Reasant 3.6EC, Shertin 5.0EC, Actara® 25WG,... để phòng trừ.

+ Sử dụng các loại thuốc như: Brightin 4.0EC, Radiant 60SC, Nasdaq 50 EC, Ondosol 750WP, Solo 350SC ... để phòng trừ sâu cuốn lá hại lúa.

+ Sử dụng luân phiên các loại thuốc như: Aicavil 100SC, Kamsu 2SL, New karide 2 SC, Anvil<sup>®</sup> 5 SC, Bump gold 80WP, Bump 650WP, Filia<sup>®</sup> 525 SE,... để phòng trừ bệnh đạo ôn hại lúa.

+ Đối với bệnh vàng lá sinh lý do ngộ độc phèn gây ra: Cần thay nước cho ruộng lúa bằng cách cho nước vào ruộng ngập nửa cây lúa, giữ nước khoảng 24 giờ rồi tháo cạn nước, sau đó đưa nước mới vào toàn ruộng. Bón phân lân nung chảy 400kg/ha kết hợp xịt phân bón lá siêu lân, phân bón lá kích thích sinh trưởng comcat 150 WP theo liều lượng khuyến cáo trên vỏ bì, chai. Khoảng từ 5-7 ngày thấy rễ trắng ra là cây lúa đang phục hồi bón tiếp phân DAP với liều lượng 50-80 kg/ha và chăm sóc bình thường.

- Trên cây điều: Cần thăm vườn đôi thường xuyên theo dõi sự phát sinh phát triển của sâu bệnh đặc biệt là bọ xít muỗi, bọ trĩ và bệnh thán thư. Chú trọng vệ sinh vườn đôi tạo thông thoáng cho vườn cây, phát quang bụi rậm. Tia bỏ chồi bị bệnh đem đi tiêu hủy ngay từ khi mới xuất hiện rải rác và tập trung phun thuốc phòng trừ không để bệnh lây lan đặc biệt là bọ xít muỗi, bọ trĩ và bệnh thán thư.

+ Sử dụng luân phiên các loại thuốc như: Nativo 750WG, Antracol 70 WP, Tungvil 5SC, Map super 300EC, Score<sup>®</sup> 250EC, Diboxilin 2 SL, Indiavil 5 SC,... để phòng trừ bệnh thán thư hại điều.

+ Sử dụng luân phiên các loại thuốc như: Nouvo 3.6 EC, Plutel 5 EC, Aben 168 EC, Reasgant 3.6 EC, Alfacua 10 EC, Abasa 755EC, Cyperan 10 EC,... để phòng trừ bọ xít muỗi hại điều.

+ Sử dụng luân phiên các loại thuốc như: Shepatin 18EC, Confitin 18 EC, Actara 25WG,... để phòng trừ bọ trĩ hại cây điều.

- Trên cây dâu tằm: Cần hái lá đúng tuổi để nuôi tằm, vệ sinh vườn dâu thông thoáng, bón phân cân đối NPK, phòng trừ sâu bệnh kịp thời và đảm bảo thời gian cách ly.

Đề nghị UBND các xã, thị trấn phối hợp khuyến cáo trên các kênh thông tin và chỉ đạo nhân dân chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng. Khuyến nông viên theo dõi và hướng dẫn nông dân phòng trừ kịp thời./.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện Cát Tiên;
- Chi cục TT- BVTV Lâm Đồng;
- Phòng NN & PTNT huyện;
- Hội Nông dân huyện;
- TTVH-TT và Thể thao huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các Phó Giám đốc, viên chức;
- Lưu: VT, TT-BVTV.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đặng Thị Nhân**